

Bản án số: **28/2023/KDTM-ST**

Ngày: 27/07/2023

V/v: *Tranh chấp Hợp đồng thi công*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẦU GIẤY, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Lương**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Lưu Văn Thiệm**

Bà **Bùi Thị Minh Hoa**

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thanh** - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy: Bà **Lê Huyền Trang**- Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 07 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 09/2023/TLST-DS ngày 16/02/2023 về việc Tranh chấp Hợp đồng thi công theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2023/QĐXXST-DS ngày 19/06/2023 giữa:

Nguyên đơn: Công ty V

Trụ sở: Toà nhà E-Town, số 364 đường C, phường 13, quận T1, Thành phố Hồ Chí Minh. Đại diện theo pháp luật: Ông **Trần Đức L** - Tổng Giám đốc.

Đại diện theo uỷ quyền: Bà **Trần Thanh T** - Sinh năm 1994 - Theo giấy uỷ quyền ngày 01/08/2022. (Bà Trà có mặt)

Bị đơn: Công ty F

Trụ sở: Số 265 đường C, phường D, quận Cầu Giấy, Hà Nội. Đại diện theo pháp luật: Ông **Lê Tiến Dũng** – Chủ tịch HĐQT

Đại diện theo uỷ quyền: Ông **Nguyễn Hải Triều**, ông **Trần Văn Hùng** - Theo giấy uỷ quyền số 11/GUQ-CT ngày 25/07/2023 (Có mặt)

NHẬN THẤY

Ngày 01/08/2022, Công ty V (Trong bản án viết tắt là công ty V) nộp đơn khởi kiện Công ty F (Trong bản án viết tắt là công ty F) về việc tranh chấp hợp đồng thi công và yêu cầu công ty F thanh toán cho công ty V Việt Nam số tiền theo hợp đồng thi công số 363/2016/HĐTC ký ngày 05/07/2016 và phụ lục hợp đồng số 05 ký ngày 13/12/2016 nợ gốc: 815.688.241 đồng và tiền lãi chậm trả tạm tính từ ngày 01/10/2020 đến ngày 01/8/2022 là 20 tháng x 12%/năm tương đương 1%/tháng x 815.688.241 = 163.137.648 đồng. Tổng

số tạm tính từ ngày 01/10/2020 đến ngày 01/08/2022 là: 978.825.889 đồng (Bằng chữ: Chín trăm bảy mươi tám triệu, tám trăm hai mươi lăm nghìn, tám trăm tám mươi chín đồng).

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - bà Trần Thanh T trình bày:

Ngày 05/07/2016, công ty F và công ty V đã ký Hợp đồng thi công số 363/2016/HĐTC/ĐM/F-V. Theo nội dung hợp đồng thi công thì công ty F thuê và công ty V nhận thực hiện công việc: Thiết kế bản vẽ thi công, cung cấp vật tư và thi công lắp đặt hệ thống sàn cáp dự ứng lực cho công trình thuộc Dự án khu chức năng đô thị R - G với tổng giá trị là **24.473.192.172** đồng (đã bao gồm thuế GTGT 10%). Nếu công ty F thanh toán chậm cho công ty V thì phải trả lãi cho những ngày chậm thanh toán theo lãi suất quá hạn do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm thanh toán đối với số tiền chậm thanh toán, tổng số tiền lãi không vượt quá 12% tổng số tiền chậm thanh toán.

Ngày 13/12/2016, công ty F và công ty V đã ký kết phụ lục hợp đồng số 05 điều chỉnh giảm khối lượng công việc, đồng thời giảm giá trị hợp đồng thi công số 363/2016/HĐTC/ĐM/F-V xuống còn 11.920.542.052 đồng

Sau khi công ty V đã thực hiện xong công việc theo thỏa thuận tại hợp đồng, các bên đã tiến hành nghiệm thu. Ngày 30/09/2020, hai bên đã ký biên bản thanh lý quyết toán, biên bản hết hạn bảo hành. Theo văn bản tính giá trị đề nghị quyết toán lập ngày 20/03/2020, Công ty F phải thanh toán cho Công ty V số tiền còn lại là 1.555.217.340 đồng.

Đến nay, công ty F đã trả cho công ty V số tiền là 739.529.099 đồng. Số tiền công ty F còn nợ công ty V là 815.688.241 đồng nợ gốc và tiền lãi chậm thanh toán.

Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng thi công số 363/2016/HĐTC/ĐM/F-V ngày 05/07/2016 số tiền **1.084.865.36 đồng** (bao gồm 815.688.241 đồng nợ gốc và khoản tiền lãi chậm thanh toán tạm tính đến ngày 27/07/2023 là 269.177.120 đồng). Ngoài ra, khi bản án có hiệu lực pháp luật, nếu bị đơn không trả cho nguyên đơn số tiền như bản án tuyên thì buộc bị đơn phải trả thêm một khoản tiền lãi với lãi suất 12%/năm cho số tiền chậm trả và tương đương thời gian chậm trả.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn – Ông Nguyễn Hải Triều và ông Trần Văn Hùng trình bày: Công ty F xác nhận: Ngày 05/07/2016 có ký Hợp đồng thi công số 363/2016/HĐTC/ĐM/F-V với công ty V, số tiền gốc mà công ty F còn nợ công ty V tính đến ngày 11/06/2023 là 815.688.241 VNĐ.

Đối với khoản tiền lãi với lãi suất là 12%/năm cho số tiền chậm trả, bị đơn công ty F cho rằng không có căn cứ nên không chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn

TẠI PHIÊN TÒA

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - Bà Trần Thanh T vẫn giữ nguyên yêu cầu

khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết để yêu cầu công ty F thanh toán cho công ty V toàn bộ nợ gốc và khoản tiền lãi chậm thanh toán với số tiền là 1.060.394.713 đồng. Trong đó, số tiền gốc là 815.688.241 đồng, tiền lãi chậm thanh toán từ 30/09/2020 đến ngày 27/07/2023 là 269.177.120 đồng. Ngoài ra, khi bản án có hiệu lực pháp luật, nếu bị đơn không trả cho nguyên đơn số tiền như bản án tuyên thì buộc bị đơn phải trả thêm một khoản tiền lãi với lãi suất 12%/năm cho số tiền chậm trả và tương đương thời gian chậm trả.

Đại diện theo pháp luật của bị đơn – Công ty F vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày

PHẦN TRANH LUẬN TẠI PHIÊN TÒA

Tại phiên tòa các đương sự không tranh luận gì thêm

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:**

- **Về tố tụng:** Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử chấp hành các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ pháp luật cần giải quyết, tư cách những người tham gia tố tụng; Đảm bảo điều tra, xác minh, thu thập chứng cứ đúng trình tự và đầy đủ. Các đương sự, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- **Về nội dung:** Ngày 05/07/2016, công ty V ký với công ty F hợp đồng thi công số 363/2016/HĐTC/ĐM/F-V với tổng giá trị hợp đồng là 24.473.192.172 đồng (đã bao gồm thuế GTGT 10%)

Ngày 13/12/2016, công ty F và công ty V đã ký kết phụ lục hợp đồng số 05 điều chỉnh giảm khối lượng công việc, đồng thời giảm giá trị hợp đồng thi công số 363/2016/HĐTC/ĐM/F-V xuống còn 11.920.542.052 đồng

Quá trình thực hiện hợp đồng công ty F không thực hiện đúng cam kết nên công ty V khởi kiện để đòi số tiền nợ gốc, tiền lãi chậm thanh toán là có căn cứ. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- **Về án phí:** Nguyên đơn không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc “Tranh chấp hợp đồng thi công” giữa các bên có đăng ký kinh doanh là tranh chấp về kinh doanh thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn là công ty F có trụ sở tại số 265

đường C, phường D, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội. Vì vậy khi công ty V khởi kiện, Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy thụ lý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để giải quyết là phù hợp với quy định điểm b khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Căn cứ hợp đồng thi công số 363/2016/HĐTC/ĐM/F-V ngày 05/07/2016 và các phụ lục kèm theo, biên bản thanh lý hợp đồng, lời khai của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì đủ cơ sở để xác định:

Ngày 05/07/2016, giữa công ty V và công ty F ký Hợp đồng thi công số 363/2016/HĐTC/ĐM/F-V với nội dung công ty F thuê và công ty V nhận thực hiện Thiết kế bản vẽ thi công, cung cấp vật tư và thi công lắp đặt hệ thống sàn cáp dự ứng lực cho công trình thuộc Dự án khu chức năng đô thị R - G. Giá trị hợp đồng là 24.473.192.172 đồng.

Ngày 13/12/2016, công ty F và công ty V đã ký kết phụ lục hợp đồng số 05 điều chỉnh giảm khối lượng công việc, đồng thời giảm giá trị hợp đồng thi công số 363/2016/HĐTC/ĐM/F-V xuống còn 11.920.542.052 đồng

Xét thấy hợp đồng được ký kết giữa các bên có đăng ký kinh doanh, nội dung thỏa thuận về lĩnh vực xây dựng công trình nên thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Xây dựng năm 2014. Hình thức, nội dung của Hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 138, Điều 141 Luật Xây dựng nên có giá trị pháp lý làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Việc hai bên ký hợp đồng thi công số 363/2016/HĐTC/ĐM/F-V ngày 05/07/2016 là hoàn toàn tự nguyện. Khi ký kết các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, hợp đồng không trái đạo đức và quy định của pháp luật nên Hợp đồng thi công số 363 có giá trị và các bên cùng có nghĩa vụ thực hiện.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty F đã thanh toán cho công ty V số tiền là 10.358.547.469 đồng. Số tiền còn lại mà công ty F phải thanh toán cho công ty V là 1.555.217.340 đồng (Căn cứ biên bản thanh lý hợp đồng - BL 168).

Đến nay, công ty F đã trả cho công ty V số tiền là 739.529.099 đồng. Số tiền công ty F còn nợ công ty V là 815.688.241 đồng nợ gốc và tiền lãi chậm thanh toán.

2.2. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Đối với nợ gốc: Quá trình giải quyết vụ án, công ty V yêu cầu công ty F thanh toán số tiền nợ gốc là 815.688.241 đồng. Căn cứ tài liệu chứng cứ trong quá trình giải quyết vụ án và lời khai của nguyên đơn, xác nhận công ty F còn nợ Công ty V số tiền gốc là 815.688.241 đồng là có căn cứ phù hợp quy định tại các điều 50, 55 Luật Thương mại và buộc Công ty F trả Công ty V nợ gốc là 815.688.241 đồng.

- Đối với số tiền lãi chậm thanh toán:

Tại Điều 20.4 Hợp đồng 363 quy định về việc phạt vi phạm hợp đồng được các bên thỏa thuận như sau: “*Nếu Bên A thanh toán chậm cho Bên B thì Bên A sẽ phải trả lãi cho những ngày chậm thanh toán theo lãi suất quá hạn do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm thanh toán đối với số tiền chậm thanh toán. Tổng số tiền lãi không vượt quá 12% (mười hai phần trăm) tổng số tiền chậm thanh toán*”.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của bị đơn không nhất trí khoản tiền lãi như nguyên đơn yêu cầu. Tuy nhiên trong Hợp đồng hai bên đã thống nhất mức phạt vi phạm hợp đồng tối đa là 12% giá trị vi phạm và được áp dụng cách tính theo cách tính lãi suất tiền gửi tiết kiệm đồng Việt Nam. Xét thấy, mức lãi suất chậm trả mà nguyên đơn yêu cầu thấp hơn mức lãi suất nợ quá hạn trung bình theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật.

Phần lãi được tính như sau: 12% tổng số tiền chậm thanh toán tạm tính từ ngày 30/09/2020 đến ngày 27/07/2023 là: 34 tháng x 12%/năm x 815.688.241 đồng = 277.334.000 đồng

Do đó, buộc công ty F có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty V số tiền lãi chậm thanh toán là 277.334.000 đồng.

Từ những nhận định trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc công ty F phải thanh toán khoản tiền 815.688.241 đồng nợ gốc và 277.334.000 đồng tiền lãi chậm thanh toán.

Tổng cộng: 815.688.241 + 277.334.000 = 1.093.032.241 đồng

[3] Về án phí: Nguyên đơn không phải chịu án phí KDTM sơ thẩm. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, án xử công khai sơ thẩm có mặt đại diện theo ủy quyền nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của bị đơn có mặt tại phiên tòa, họ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 138, Điều 141 Luật Xây dựng;
- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty V đối với Công ty F về việc “Tranh chấp hợp đồng thi công”.

2. Buộc Công ty F thanh toán cho Công ty V toàn bộ các khoản nợ gốc, lãi theo Hợp đồng thi công số 363/2016/HĐTC/ĐM/F-V ngày 05/07/2016 và các phụ lục kèm theo được ký kết giữa hai bên là: **1.093.032.241 đồng** (Trong đó, số tiền nợ gốc là 815.688.241 đồng, tiền lãi chậm thanh toán tạm tính đến ngày 30/07/2023 là 277.334.000 đồng).

Buộc Công ty F tiếp tục phải chịu lãi suất theo lãi suất 12%/năm đối với số tiền nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Thời gian tính lãi được tính từ ngày 30/7/2023.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Công ty F phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 42.279.000 đồng. Công ty V không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả Công ty V số tiền 20.600.000 đồng tạm ứng lệ phí theo biên lai thu số AA/2020/0019200 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cầu Giấy.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt đại diện theo ủy quyền nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của bị đơn, họ có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Cầu Giấy;
- TAND thành phố Hà Nội;
- Chi cục THADS quận Cầu Giấy;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Lương